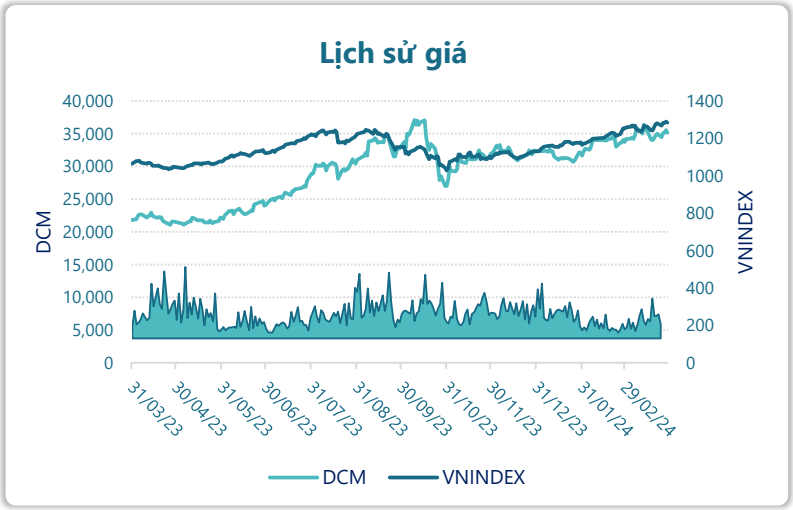
FireAnt

CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (HSX: DCM)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**35,150**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,068
SL cổ phiếu LH	529,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,149,635
% sở hữu nước ngoài	10.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	18,608
P/E	15.2
EPS	2,313

DT thuần

Q1/24

2,744

tỷ VNĐ

QoQ: ▼822| -23.0%

YoY: ▲ 9.00| 0.3%

LN sau thuế

Q1/24

350

tỷ VNĐ

QoQ: ▼142| -28.9%

YoY: ▲ 120| 52.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

10.1%

+/- YoY: ▼ 18.9%

DT thuần

2023

12,571

tỷ VNĐ

YoY: ▼3,354| -21.1%

LN sau thuế

2023

1,110

tỷ VNĐ

YoY: ▼3,211| -74.3%

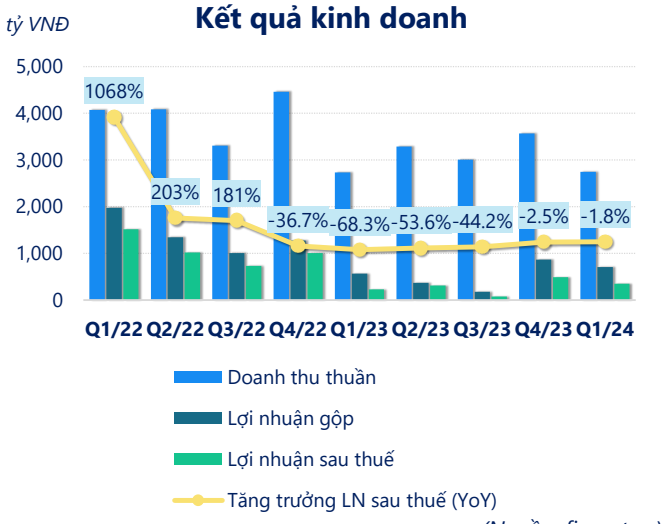
ROE

2023

10.8%

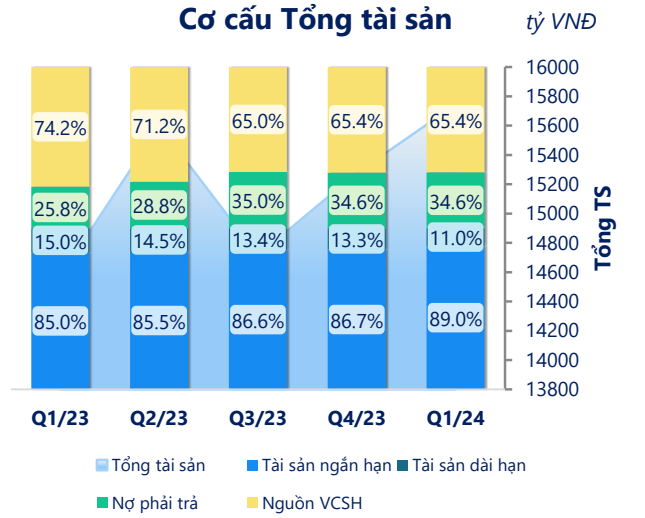
+/- YoY: ▼ 37.0%

Kết quả kinh doanh



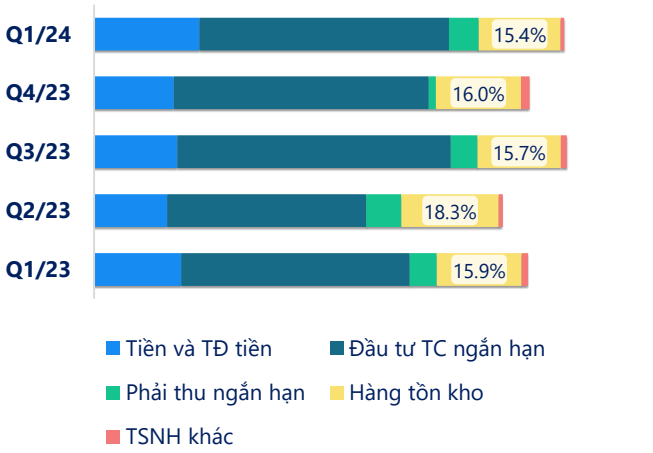
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



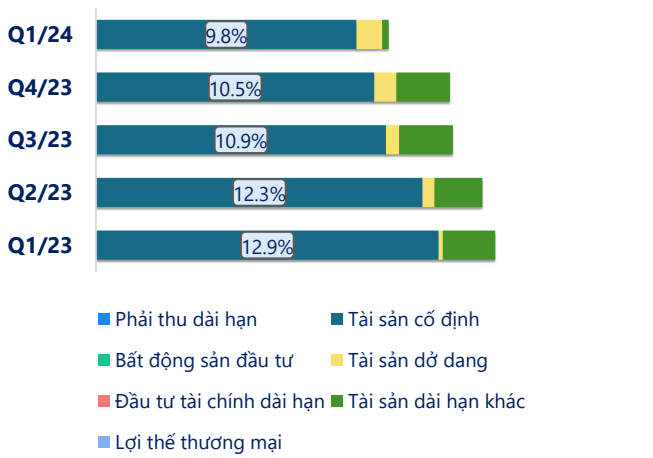
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



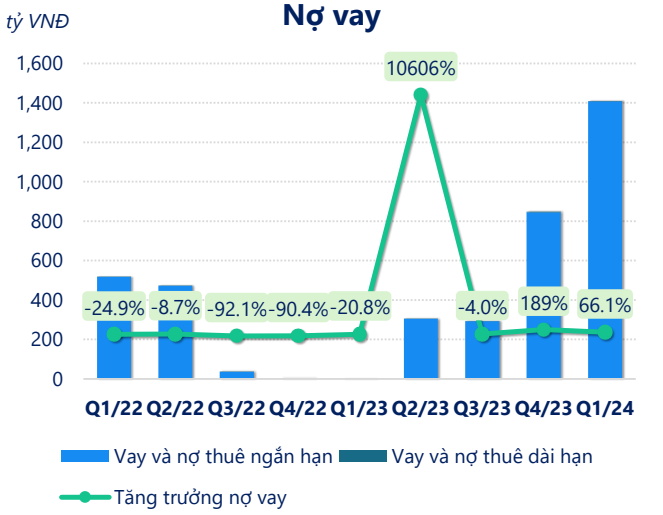
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



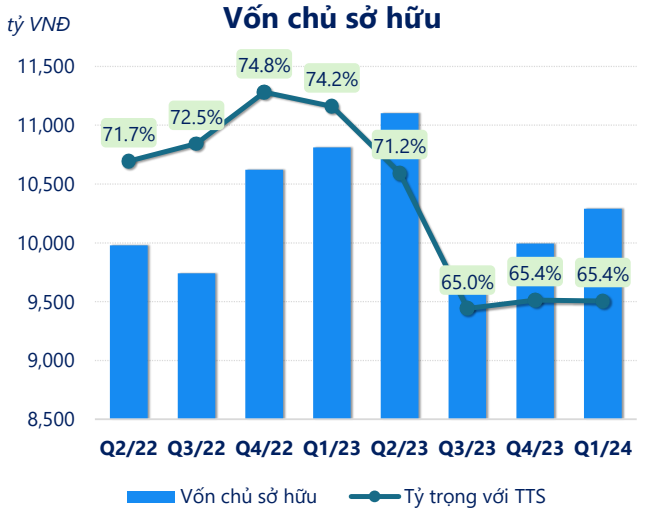
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



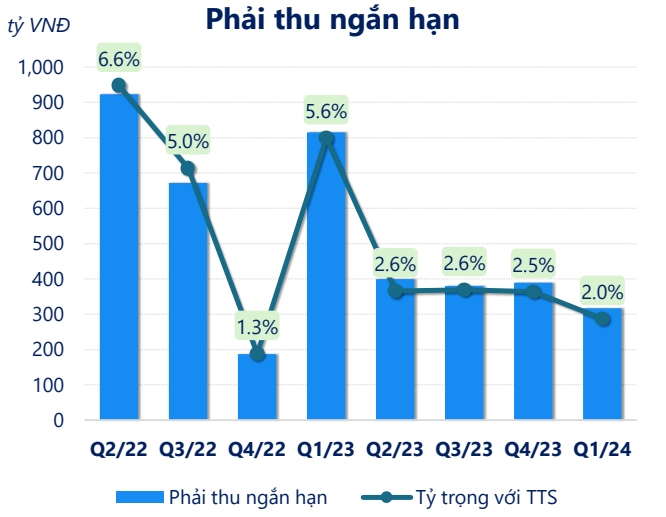
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



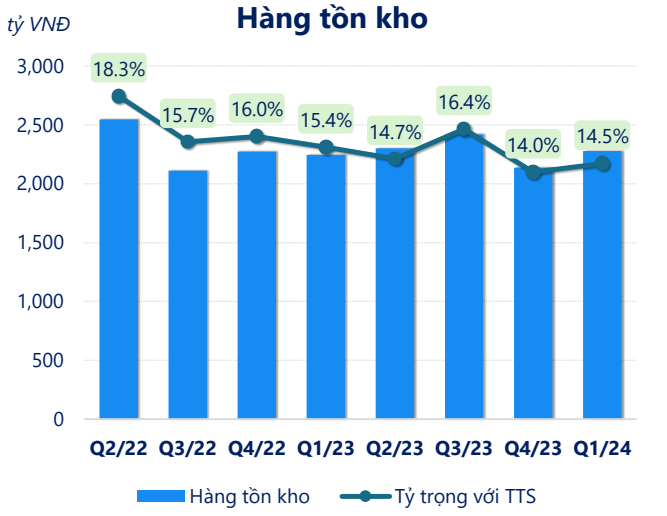
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



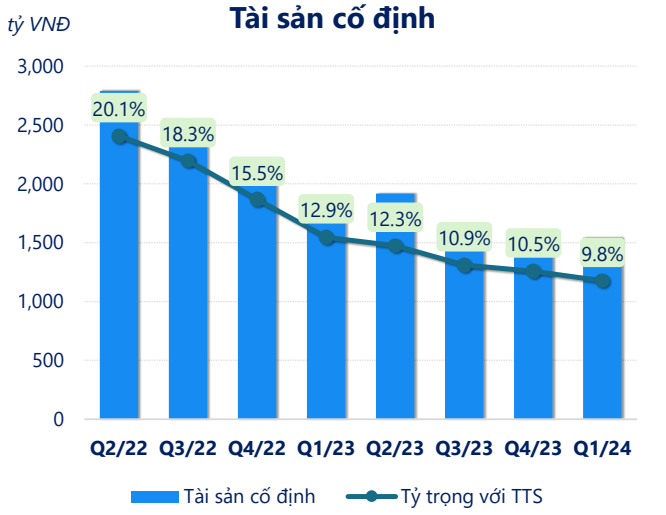
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



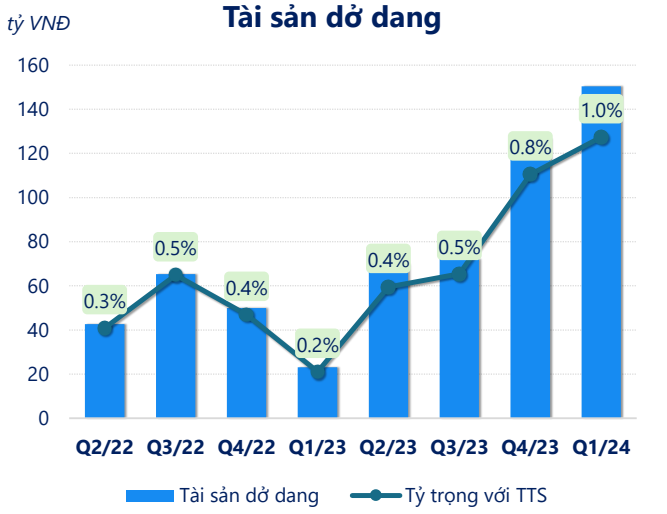
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



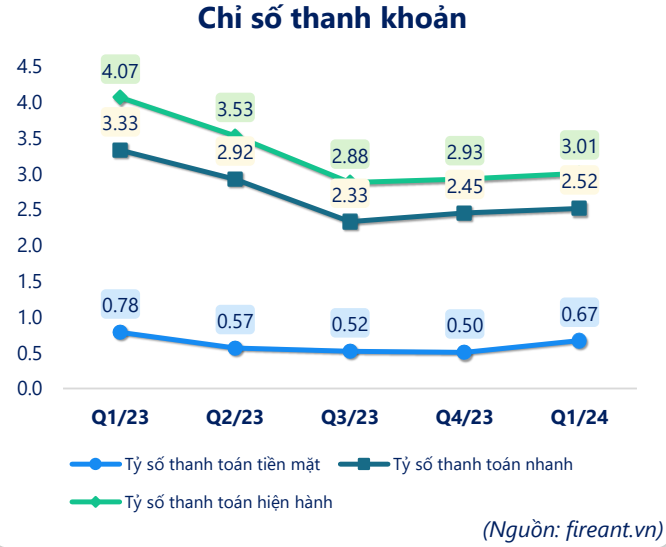
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



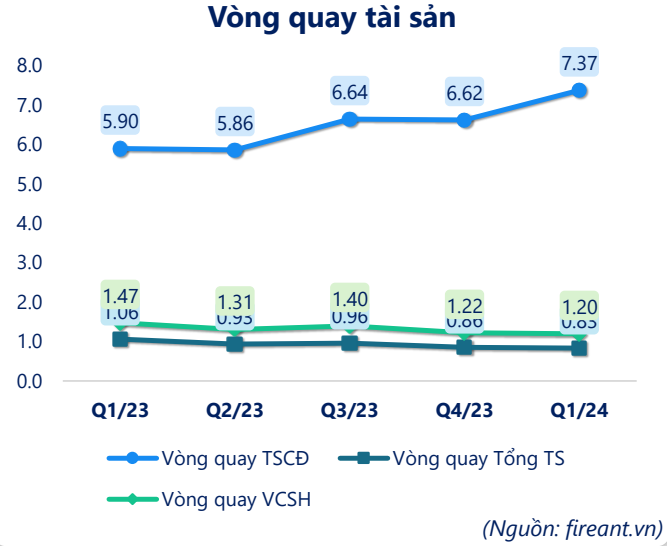
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**14,571**	**15,599**	**14,715**	**15,278**	**15,744**
Tài sản ngắn hạn	**12,382**	**13,331**	**12,739**	**13,244**	**14,010**
Tiền và tương đương tiền	2,387	2,141	2,305	2,284	3,117
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6,842	8,372	7,512	8,242	7,812
Phải thu ngắn hạn	815	399	380	389	316
Hàng tồn kho	2,244	2,301	2,419	2,137	2,279
Tài sản ngắn hạn khác	94.3	119	123	191	486
Tài sản dài hạn	**2,189**	**2,268**	**1,976**	**2,034**	**1,733**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,878	1,917	1,605	1,600	1,544
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	23.1	69.7	72.2	127	150
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	288	281	298	308	38.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,760**	**4,497**	**5,147**	**5,285**	**5,453**
Nợ ngắn hạn	**3,045**	**3,775**	**4,426**	**4,525**	**4,660**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.83	304	292	846	1,407
Phải trả người bán ngắn hạn	825	864	967	1,408	1,341
Nợ dài hạn	715	721	721	759	793
Vay và nợ thuê dài hạn	1.02	1.51	1.39	2.96	2.65
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,811**	**11,102**	**9,568**	**9,993**	**10,291**
Vốn chủ sở hữu	**10,811**	**11,102**	**9,568**	**9,993**	**10,291**
Vốn điều lệ	5,294	5,294	5,294	5,294	5,294
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)